

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN NGÀY 30/06/2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/04/2023)
Ông Nguyễn Việt Nhâm	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/04/2023)
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng Ban (Bổ nhiệm từ ngày 21/04/2023)
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban (Miễn nhiệm từ ngày 21/04/2023)
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà Bùi Thị Ngân Hoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 12 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập 12/08/2023, từ trang 06 đến trang 37 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến soát xét và ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Lê Đức Hạnh

Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3340-2020-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.418.952.879	37.436.869.984
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	11.599.787.546	5.151.661.667
Tiền	111		4.099.787.546	5.151.661.667
Các khoản tương đương tiền	112		7.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.000.000.000	3.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.345.085.019	27.745.536.172
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.530.858.372	9.776.189.924
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	517.406.000	17.971.160.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.253.370.293	954.735.894
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(956.549.646)	(956.549.646)
Hàng tồn kho	140		1.166.443.771	1.172.653.073
Hàng tồn kho	141	9	1.166.443.771	1.172.653.073
Tài sản ngắn hạn khác	150		307.636.543	367.019.072
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	159.965.133	160.057.662
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	147.671.410	206.961.410
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		277.918.866.094	270.194.471.174
Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	196.500.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	100.000.000	196.500.000
Tài sản cố định	220		274.141.388.511	265.838.195.231
Tài sản cố định hữu hình	221	11	274.067.686.898	265.744.993.618
- Nguyên giá	222		553.142.165.241	534.689.350.177
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(279.074.478.343)	(268.944.356.559)
Tài sản cố định vô hình	227	12	73.701.613	93.201.613
- Nguyên giá	228		195.000.000	195.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(121.298.387)	(101.798.387)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	1.795.734.107	1.533.323.783
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.795.734.107	1.533.323.783
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.170.000.000	1.170.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.170.000.000	1.170.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		711.743.476	1.456.452.160
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	710.545.837	1.455.083.429
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.197.639	1.368.731
TỔNG TÀI SẢN	270		306.337.818.973	307.631.341.158

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		21.915.029.629	28.060.351.807
Nợ ngắn hạn	310		10.454.109.629	15.258.786.807
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.759.081.666	1.220.910.718
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	171.898.446	186.110.745
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.607.223.286	1.385.443.052
Phải trả người lao động	314		1.589.055.313	3.660.960.127
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		428.340.000	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	1.405.440.000	2.460.240.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	617.839.845	3.107.001.098
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1.620.000.000	1.528.375.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.255.231.073	1.709.746.067
Nợ dài hạn	330		11.460.920.000	12.801.565.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	1.663.920.000	2.102.940.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	9.797.000.000	10.698.625.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		284.422.789.344	279.570.989.351
Vốn chủ sở hữu	410	21	284.422.789.344	279.570.989.351
Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.018.170.000	245.018.170.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		275.419.340	275.419.340
Cổ phiếu quỹ	415		(482.000.000)	(482.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		14.511.056.165	14.511.086.824
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.877.634.696	15.970.555.546
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.621.289.918	1.846.818.718
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.256.344.778	14.123.736.828
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.222.509.143	4.277.757.641
TỔNG NGUỒN VỐN	440		306.337.818.973	307.631.341.158

Cam Ranh, ngày 12 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	68.592.535.860	70.613.834.477
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		68.592.535.860	70.613.834.477
Giá vốn hàng bán	11	24	48.309.471.246	49.373.657.836
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.283.064.614	21.240.176.641
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	430.300.739	494.123.008
Chi phí tài chính	22		444.560.271	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		444.560.271	-
Chi phí bán hàng	25	26	136.368.822	120.138.822
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	10.979.732.166	10.451.328.898
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.152.704.094	11.162.831.929
Thu nhập khác	31		245.363.636	9.000.000
Chi phí khác	32		197.586.322	19.756.852
Lợi nhuận khác	40		47.777.314	(10.756.852)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.200.481.408	11.152.075.077
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.703.224.657	2.179.615.450
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	171.091	171.091
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.497.085.660	8.972.288.536
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		7.256.344.778	8.847.955.516
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		240.740.882	124.333.020
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	297	362

Cam Ranh, ngày 12 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		9.200.481.408	11.152.075.077
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ, Bất động sản đầu tư	02		10.689.220.079	9.855.156.097
Các khoản dự phòng	03		-	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(459.438.164)	(494.123.008)
Chi phí lãi vay	06		444.560.271	-
Các điều chỉnh khác	07		-	115.800.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.874.823.594	20.628.908.166
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.932.502.319	146.496.046
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.209.302	(73.122.370)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(25.874.641.186)	(6.626.083.518)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		744.630.121	(1.030.942.806)
Tiền lãi vay đã trả	14		(444.560.271)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.942.332.277)	(5.370.347.204)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(184.190.000)	(2.957.708.512)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.112.441.602	4.717.199.802
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.221.481.481)	(6.692.396.885)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		260.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		418.451.424	531.143.659
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		456.969.943	(7.161.253.226)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(810.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(311.285.666)	(274.416.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.121.285.666)	(274.416.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.448.125.879	(2.718.470.224)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	5.151.661.667	27.560.608.901
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	11.599.787.546	24.842.138.677

Cam Ranh, ngày 12 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu


Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng


Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Thắng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh - Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28/01/2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 08/05/2023.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 245.018.170.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 245.018.170.000 đồng; tương đương 24.501.817 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty và Công ty con tại ngày 30/06/2023 là 197 người (tại ngày 31/12/2022 là 202 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGHÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực khai thác Cảng biển.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Bốc xếp hàng hóa.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ logistic;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, đường bộ khác, ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ khai thuế hải quan.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CÔNG TY CON

Các Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính giai đoạn 01/01/2023 - 30/6/2023:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh
 - Địa chỉ: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
 - Vốn điều lệ: 7.000.000.000 VND (Tỷ lệ lợi ích, quyền biểu quyết của Công ty là 51%).
 - Hoạt động kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, dịch vụ hàng hải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 01/01/2022 - 30/6/2022, số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và hoàn toàn có thể so sánh được.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.3 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.5 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023-30/06/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất khoản các khoản đầu tư được lập khi Công ty bên nhận đầu tư bị lỗ, căn cứ Báo cáo tài chính bên nhận đầu tư tại thời điểm trích dự phòng.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 30/06/2023, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 39
- Máy móc, thiết bị	04 - 13
- Phương tiện vận tải	02 - 09
- Thiết bị văn phòng	02 - 06
- Phần mềm quản lý	05

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03-Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm máy tính: giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là giá trị thương hiệu được phân bổ tối đa 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng hoặc theo thời hạn mua.

3.11 HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát, các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3.12 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả..

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh, phù hợp doanh thu phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

3.14 VAY VÀ CHI PHÍ ĐI VAY

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

3.15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 36 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số cổ phiếu đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3.17 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên cơ sở thời gian, lãi suất thực tế từng kỳ và thông báo hàng kỳ của ngân hàng; lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.18 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn của luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và trừ đi thuế chưa sử dụng. Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, các nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.21 THÔNG TIN BỘ PHẬN

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác cảng biển chủ yếu diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	521.681.988	737.840.289
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.578.105.558	4.413.821.378
Các khoản tương đương tiền (*)	7.500.000.000	-
Cộng	11.599.787.546	5.151.661.667

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,5%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất từ 8,7%/năm đến 9,5%/năm

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.170.000.000	-	(*)	1.170.000.000	-	(*)
<i>Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh</i>	<i>1.170.000.000</i>		(*)	<i>1.170.000.000</i>		(*)
Cộng	1.170.000.000	-	-	1.170.000.000	-	-

Thông tin về Công ty đầu tư tại ngày 30/06/2023:

Tên Công ty đầu tư	Nơi Thành lập hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Đầu tư vào đơn vị khác				
<i>Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh</i>	<i>Thành phố Cam Ranh</i>	<i>6,50%</i>	<i>6,50%</i>	<i>Khai thác, xử lý và cung cấp nước, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.</i>

Khoản đầu tư khác vào Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh với số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 30/06/2023 là 337.662 cổ phiếu, trong đó 103.662 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh chia cổ tức bằng cổ phiếu, 117.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ. Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu mà không ghi tăng giá trị theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Đá Hòa An 1	4.961.040.838	-	3.596.820.104	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Đại Dương	563.600.626	(169.080.188)	563.600.626	(169.080.188)
- Công ty TNHH Chế biến Dăm gỗ Đại Thắng	1.795.627.407	-	157.547.376	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Cam Ranh	537.827.340	-	403.943.010	-
- Công ty CP Năng lượng tái tạo Đại Dương	563.600.626	-	563.600.626	-
- Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa	347.656.124	(347.656.124)	347.656.124	(347.656.124)
- Công ty TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ MH	329.782.055	-	515.566.810	-
- Công ty TNHH đầu tư xây dựng DACINCO	195.302.140	-	5.815.104	-
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc Tế Nam Vân Phong	1.836.295.314	-	726.788.821	-
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xây dựng Vận Tải Đại Lộc	589.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	811.125.902	(439.813.334)	2.894.851.323	(439.813.334)
Cộng	12.530.858.372	(956.549.646)	9.776.189.924	(956.549.646)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

7. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Thiết bị và dịch vụ TCE	-	-	16.877.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xe nâng Thiên Sơn	-	-	510.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ INTECOM	200.000.000	-	200.000.000	-
- Các đối tượng khác	317.406.000	-	384.160.000	-
Cộng	517.406.000	-	17.971.160.000	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-	264.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Hàng hải	-	-	186.000.000	-
- Ban quản lý dự án Chuyên ngành Hàng hải VIMC	-	-	78.000.000	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Công Trình Hàng Hải	184.000.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.253.370.293	-	954.735.894	-
- Tạm ứng	817.300.000	-	114.000.000	-
- Phân chia chi phí Cầu Gottwald	121.954.989	-	55.118.570	-
- Phải thu khác	314.115.304	-	785.617.324	-
Dài hạn	100.000.000	-	196.500.000	-
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
- Tiền GPMB khu hành chính chờ khấu trừ tiền thuê đất (kể từ năm 2023)	-	-	96.500.000	-
Cộng	1.353.370.293	-	1.151.235.894	-

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	256.097.206	-	264.007.862	-
- Công cụ, dụng cụ	477.613.936	-	477.735.632	-
- Hàng hóa	432.732.629	-	430.909.579	-
Cộng	1.166.443.771	-	1.172.653.073	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

10. NỢ XẤU

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và đầu tư Khánh Hòa	347.656.124	-	347.656.124	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Đại Dương	563.600.626	394.520.438	563.600.626	394.520.438
- Công ty Cổ phần Xây dựng và ứng dụng Công nghệ Mới	113.319.150	-	113.319.150	-
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia	99.453.843	-	99.453.843	-
- Các đối tượng khác	227.040.341	-	227.040.341	-
Cộng	1.351.070.084	394.520.438	1.351.070.084	394.520.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	473.555.248.901	37.605.679.696	21.297.042.539	2.231.379.041	534.689.350.177
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	17.390.033.670	1.796.215.939	-	19.186.249.609
- Giảm do thanh lý	-	-	(733.434.545)	-	(733.434.545)
30/06/2023	<u>473.555.248.901</u>	<u>54.995.713.366</u>	<u>22.359.823.933</u>	<u>2.231.379.041</u>	<u>553.142.165.241</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	(227.253.024.367)	(24.505.425.403)	(15.806.195.493)	(1.379.711.296)	(268.944.356.559)
- Khấu hao trong kỳ	(7.853.572.628)	(1.967.711.175)	(762.203.700)	(86.232.576)	(10.669.720.079)
- Giảm do thanh lý	-	-	539.598.295	-	539.598.295
30/06/2023	<u>(235.106.596.995)</u>	<u>(26.473.136.578)</u>	<u>(16.028.800.898)</u>	<u>(1.465.943.872)</u>	<u>(279.074.478.343)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	<u>246.302.224.534</u>	<u>13.100.254.293</u>	<u>5.490.847.046</u>	<u>851.667.745</u>	<u>265.744.993.618</u>
30/06/2023	<u>238.448.651.906</u>	<u>28.522.576.788</u>	<u>6.331.023.035</u>	<u>765.435.169</u>	<u>274.067.686.898</u>

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.171.854.537 đồng (Tại 31/12/2022 là: 9.629.659.157 đồng).
Giá trị còn lại TSCĐ cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2023: 16.665.448.935 đồng.

(*) Bao gồm thiết bị “Cầu bờ di động nhãn hiệu Gottward – Model HMK 280 (đã qua sử dụng)” là tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Công ty góp 40% giá trị tài sản bằng tiền tương ứng 7.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng góp 60% giá trị tài sản tương ứng 10.500.000.000 VND. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác thực hiện phân chia doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ góp vốn. Nguyên giá của tài sản cố định trên được ghi nhận tương ứng với phần vốn đã góp bằng tiền của Công ty là 7.000.000.000 VND, trong năm 2022 sửa chữa lớn nguyên giá tăng lên là: 8.666.652.766 đồng, hao mòn lũy kế đến ngày 30/06/2023 là: 4.492.955.599 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	195.000.000	195.000.000
- Mua trong kỳ	-	-
30/06/2023	<u>195.000.000</u>	<u>195.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2023	(101.798.387)	(101.798.387)
- Khấu hao trong kỳ	(19.500.000)	(19.500.000)
30/06/2023	<u>(121.298.387)</u>	<u>(121.298.387)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2023	93.201.613	93.201.613
30/06/2023	<u>73.701.613</u>	<u>73.701.613</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

13. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.795.734.107	1.795.734.107	1.533.323.783	1.533.323.783
- Dự án Nâng cao năng lực khai thác cầu cảng (*)	1.795.734.107	1.795.734.107	1.181.552.288	1.181.552.288
- Dự án Cầu di động (180T)	-	-	129.629.630	129.629.630
- Chi phí vật tư hoàn cải tàu TLA05	-	-	222.141.865	222.141.865
Cộng	1.795.734.107	1.795.734.107	1.533.323.783	1.533.323.783

(*) Dự án “Đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi” với các thông tin cơ bản như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 28.049.378.000 đồng;
- Địa điểm thực hiện: Cảng Ba Ngòi, Phường Cam linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa;
- Mục tiêu: Nâng cao khả năng vận tải hàng hóa từ cầu cảng tới kho bãi và ngược lại; tiếp nhận tàu tổng hợp trọng tải đến 50.000 DWT đầy tải, tàu 70.000 DWT giảm tải, tàu khách 70.000 GT;
- Cơ cấu nguồn vốn: 70% vốn chủ sở hữu, 30% vốn vay
- Tại thời điểm 30/06/2023, dự án đã thực hiện xong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	159.965.133	160.057.662
- Chi phí bảo hiểm hàng năm của tài sản	149.804.133	160.057.662
- Các khoản khác	10.161.000	-
Dài hạn	710.545.837	1.455.083.429
- Giá trị của lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	20.072.236	25.090.036
- Chi phí sửa chữa lớn	528.018.409	844.829.809
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	162.455.192	585.163.584
Cộng	870.510.970	1.615.141.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.759.081.666	1.759.081.666	1.220.910.718	1.220.910.718
- Công ty Cổ phần dịch vụ Biển Tân Cảng	1.028.500.000	1.028.500.000	192.240.000	192.240.000
- Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng	-	-	310.766.804	310.766.804
- Công ty TNHH An Phú Hải	174.897.360	174.897.360	311.171.760	311.171.760
- Công ty TNHH Vận tải dịch vụ và thương mại Hoàng Đức	295.000.000	295.000.000	-	-
- Các đối tượng khác	260.684.306	260.684.306	406.732.154	406.732.154
Cộng	1.759.081.666	1.759.081.666	1.220.910.718	1.220.910.718

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.620.000.000	1.620.000.000	496.625.000	405.000.000	1.528.375.000	1.528.375.000
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.620.000.000</i>	<i>1.620.000.000</i>	<i>496.625.000</i>	<i>405.000.000</i>	<i>1.528.375.000</i>	<i>1.528.375.000</i>
Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa (*)	1.620.000.000	1.620.000.000	496.625.000	405.000.000	1.528.375.000	1.528.375.000
b) Vay dài hạn	9.797.000.000	9.797.000.000	-	901.625.000	10.698.625.000	10.698.625.000
- Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa (*)	9.797.000.000	9.797.000.000	-	901.625.000	10.698.625.000	10.698.625.000
Cộng	11.417.000.000	11.417.000.000	496.625.000	1.306.625.000	12.227.000.000	12.227.000.000

(*) Khoản vay của Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng 14/2022/HĐTD-ĐTPT ngày 09/08/2022 với hạn mức tín dụng là 12.960.000.000 đồng, số tiền vay đến ngày 30/06/2023 là 11.417.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay là đầu tư mua sắm Cầu di động - sức nâng 180 tấn nhằm nâng cao năng lực khai thác Cảng Cam Ranh. Tài sản thế chấp là tài sản của Công ty và tài sản được hình thành bằng vốn vay theo hợp đồng đảm bảo tiền vay và các hình thức bảo đảm khác phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	170.054.195	1.704.416.546	1.261.635.505	612.835.236
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.214.107.620	1.703.224.657	1.942.332.277	975.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân	1.281.237	21.206.350	3.099.537	19.388.050
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.186.912.978	1.186.912.978	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.385.443.052	4.618.760.531	4.396.980.297	1.607.223.286
	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	206.961.410	175.551.400	116.261.400	147.671.410
Cộng	206.961.410	175.551.400	116.261.400	147.671.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	24.730.402	24.730.402
- Công ty Cổ phần Hàng hải An Bình	22.261.851	22.261.851
- Asiatrans Việt Nam	86.773.062	116.039.154
- Các đối tượng khác	38.133.131	23.079.338
Cộng	171.898.446	186.110.745

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.405.440.000	2.460.240.000
Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	1.405.440.000	2.460.240.000
Dài hạn	1.663.920.000	2.102.940.000
Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	1.663.920.000	2.102.940.000
	3.069.360.000	4.563.180.000

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí Công đoàn	153.319.594	148.884.320
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	100.000.000	200.000.000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	-	2.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	364.520.251	758.116.778
+ Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng	322.020.251	748.116.778
+ Phải trả phải nộp khác	42.500.000	10.000.000
Cộng	617.839.845	3.107.001.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
01/01/2022	245.018.170.000	275.419.340	(482.000.000)	8.077.992.454	44.884.411.475	4.368.022.765	302.142.016.034
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	14.446.231.968	461.193.332	14.907.425.300
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(29.344.340.400)	(334.366.800)	(29.678.707.200)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	6.433.063.288	(6.433.063.288)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(7.022.882.180)	(219.430.820)	(7.242.313.000)
- Trích lập quỹ thưởng ban điều hành Công ty	-	-	-	-	(312.500.000)	-	(312.500.000)
- Tăng/Giảm khác	-	-	-	31.082	(247.302.029)	2.339.164	(244.931.783)
31/12/2022	245.018.170.000	275.419.340	(482.000.000)	14.511.086.824	15.970.555.546	4.277.757.641	279.570.989.351
01/01/2023	245.018.170.000	275.419.340	(482.000.000)	14.511.086.824	15.970.555.546	4.277.757.641	279.570.989.351
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	7.497.085.660	-	7.497.085.660
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(2.334.000.000)	-	(2.334.000.000)
- Tăng/Giảm khác	-	-	-	(30.659)	(256.006.510)	(55.248.498)	(311.285.667)
30/06/2023	245.018.170.000	275.419.340	(482.000.000)	14.511.056.165	20.877.634.696	4.222.509.143	284.422.789.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.1 BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*)Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01-2023/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Số tiền VND
Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	1.354.570.962
Lợi nhuận chưa phân phối năm 2022	14.428.918.388
Trích Quỹ phúc lợi	721.000.000
Trích Quỹ Khen thưởng	1.475.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	138.000.000
Chi trả cổ tức	13.449.489.350
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	-

21.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2023		01/01/2023	
	Số tiền góp vốn VND	Tỷ lệ vốn góp %	Số tiền góp vốn VND	Tỷ lệ vốn góp %
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	198.230.150.000	80,90%	198.230.150.000	80,90%
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	34.971.020.000	14,27%	34.971.020.000	14,27%
- Các cổ đông khác	11.817.000.000	4,82%	11.817.000.000	4,82%
Cộng	245.018.170.000	100%	245.018.170.000	100%

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	245.018.170.000	245.018.170.000
+ Vốn góp cuối năm	245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	29.344.340.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.501.817	24.501.817
+ Cổ phiếu phổ thông	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu được mua lại	48.200	48.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.453.617	24.453.617
+ Cổ phiếu phổ thông	24.453.617	24.453.617
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21.5 CÁC QUỸ CỦA CÔNG TY

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.511.056.165	14.511.086.824
	14.511.056.165	14.511.086.824

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa với Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa để sử dụng với mục đích xây dựng bến cảng xếp dỡ hàng hóa và làm trụ sở Công ty với tổng diện tích đất thuê là 252.364 m², thời hạn thuê đất từ 16 năm đến 40 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra Công ty đang quản lý và sử dụng lô đất trên đường Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh tỉnh Khánh Hòa, có diện tích 797,5 m² với mục đích xây dựng Trung tâm dịch vụ Hàng hải. Lô đất này hiện chưa ký hợp đồng thuê đất do UBND Tỉnh yêu cầu lập dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch để UBND Tỉnh có cơ sở xem xét việc giao đất và cho thuê đất theo quy định.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	17.030.419.675	18.325.964.635
Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.562.116.185	52.287.869.842
Cộng	68.592.535.860	70.613.834.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	16.172.119.158	17.375.543.719
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.137.352.088	31.998.114.117
Cộng	48.309.471.246	49.373.657.836

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.752.264	229.359.748
Cổ tức, lợi nhuận được chia	392.548.475	264.763.260
Cộng	430.300.739	494.123.008

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên	24.768.822	95.370.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.400.000	24.768.822
Chi phí bằng tiền khác	1.200.000	-
Cộng	136.368.822	120.138.822

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161.270.117	163.870.738
Chi phí nhân công	6.273.126.920	4.953.763.979
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	128.227.050	144.722.332
Chi phí khấu hao TSCĐ	593.790.599	599.439.995
Thuế, phí, lệ phí	555.609.402	120.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.800.177.617	839.874.271
Chi phí bằng tiền khác	1.467.530.461	3.628.857.583
Cộng	10.979.732.166	10.451.328.898

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.194.110.213	2.380.314.504
Chi phí nhân công	16.225.434.913	16.223.307.453
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	718.385.689	367.892.563
Khấu hao tài sản cố định	10.687.509.166	9.855.156.097
Thuế, phí và lệ phí	1.290.412.978	2.685.399.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.523.803.116	7.160.210.388
Chi phí bằng tiền khác	1.613.797.001	3.897.301.454
Cộng	43.253.453.076	42.569.581.837

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	1.604.858.657	2.112.312.514
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	98.366.000	67.302.936
Cộng	1.703.224.657	2.179.615.450

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.197.639	1.368.731
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.197.639	1.368.731

b. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	171.091	171.091
Cộng	171.091	171.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

31.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn 01/01/2022 - 30/6/2022 đã được soát xét và số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Cam Ranh, ngày 12 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thắng